

Số: 09/2025/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981;

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị P, sinh năm 1981;

Cùng hộ khẩu thường trú: TDP HĐ, phường VX, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị P đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Thế D, sinh ngày 16/11/2001 và Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 10/4/2007. Các con đều đã trưởng thành muốn ở với ai thì tùy các con, không yêu cầu toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị P thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết;

2.4. Về các khoản cho vay chung: Anh B, chị P xác định không có.

2.5. Về án phí: Anh B, chị P thống nhất thoả thuận: Anh B chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên tại Biên lai thu số 0001567 ngày 17/4/2025. Hoàn trả lại cho anh B 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV 2 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND P. VX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy